

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 7- 2020

“ V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Anh Thư

2. Bà Nguyễn Thị Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2020, về việc tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị N T Q, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp A, xã T L, huyện B L, tỉnh L A.

Bị đơn: Anh H V T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp A, xã T L, huyện B L, tỉnh L A.

(Chị Q có mặt, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị N T Q trình bày trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa yêu cầu giải quyết như sau:

Chị N T Q, anh H V T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T L, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung sống bên gia đình của anh T tại xã T L. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không có hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn, xung đột xảy ra, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, nợ nần chồng chất, không quan tâm chăm sóc vợ con, dẫn đến cãi vã nhau. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 3/2020, từ khi sống ly thân giữa chị và anh T không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xét thấy tình cảm không còn nên yêu cầu xin được ly hôn với anh H V T.

Về nuôi con chung: Chị Q và anh T chung sống có 02 con chung tên H T H, sinh ngày 28/9/2009 và H N K N, sinh ngày 17/01/2020.

Hiện tại Chị Q đang nuôi cháu H và cháu N, khi ly hôn, về con chung Chị Q yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Vợ chồng chung sống cũng không có nợ ai và cũng không ai nợ hai anh chị.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2020 anh H V T trình bày:

Do quen biết và có tìm hiểu trước, anh T và Chị Q đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T L, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Cuộc sống chung hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là vấn đề tiền bạc, vợ chồng đã ly thân hơn hai tháng. Trước yêu cầu xin ly hôn của Chị Q anh không đồng ý vì còn thương chị Q.

Về con chung: Chị Q trình bày là đúng

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị N T Q khởi kiện ly hôn với anh H V T. Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bị đơn anh H V T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Chị N T Q và anh H V T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T L, huyện Bến Lức theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyền số 02/2009 ngày 26/6/2009. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị N T Q đối với anh H V T. Hội đồng xét xử xét thấy hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống, sinh được 02 con chung. Do anh T không lo làm ăn, kinh tế gia đình khó khăn, từ đó dẫn đến cãi vã nhau, Chị Q và anh T đã sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N T Q.

[4] Về nuôi con chung: Chị Q yêu cầu được nuôi cháu H và cháu N. Xét thấy cháu H và cháu N từ khi sinh ra cho đến nay Chị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại Chị Q là công nhân có mức lương ổn định nên Chị Q yêu cầu nuôi hai con là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng và được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con theo qui định của pháp luật.

[6] Tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 04/6/2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị N T Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9; Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N T Q với anh H V T .

1. Về hôn nhân: Cho chị N T Q được ly hôn với anh H V T .

2. Về nuôi con chung: Chị N T Q và anh H V T có 02 con chung tên H T H, sinh ngày 28/9/2009 và H N K N, sinh ngày 17/01/2020. Giao con chung H T H và H N K N cho chị N T Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh H V T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị N T Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ tạm ứng án phí Chị Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01919 ngày 11/5/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung ngân sách Nhà nước.

Chị Q có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án , anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND huyện Bến Lức;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự
- UBND xã T L;
- Lưu HS, án văn

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hoàng

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự
- UBND xã An Thạnh
- Lưu HS, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan - Nguyễn Thị Hương

Huỳnh Thị Hoàng